

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Thị Dung.

2/ Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 168/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Châu Hoàng D, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2022, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/4/2022 và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Kim S trình bày:*

Chị và anh Châu Hoàng D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Đức, huyện Ba Tri vào ngày 24/3/2009. Thời gian đầu, chị và anh D chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 6 năm 2020 thì chị phát hiện anh D qua lại với người phụ nữ khác, về

nhà anh D đánh chửi chị. Tháng 7/2021, chị và anh D sống ly thân đến nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh D nên yêu cầu ly hôn.

Chị và anh Châu Hoàng D có 02 con chung tên: Châu Thị Kim X, sinh ngày 05/7/2007; Châu Thị Kim Th, sinh ngày 15/10/2018. Hiện con chung do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không có. Nợ chung: Số tiền nợ Ngân hàng Chính sách xã hội-chỉ nhánh tỉnh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện Ba Tri 9.000.000 đồng chị đã trả xong nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo biên bản lấy ý kiến ngày 27/4/2022 cháu Châu Thị Kim X có nguyện vọng sống với chị S.

* Bị đơn anh Châu Hoàng D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Vụ án có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục. Đối với đương sự, nguyên đơn chị S có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh D vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị S, anh D là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị S và anh D có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Đức vào ngày 24/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị S và anh D xảy ra mâu thuẫn và hai bên không thiện chí hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Chị S yêu cầu nuôi cháu Châu Thị Kim X, sinh ngày 05/7/2007; Châu Thị Kim Th, sinh ngày 15/10/2018; cháu X có nguyện vọng sống với chị S, anh D không tranh chấp nuôi con. Căn cứ, Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị S về việc yêu cầu ly hôn với anh D. Giao cháu con chung cho chị S nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim S có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Châu Hoàng D được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị S, anh D là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim S và anh Châu Hoàng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Đức (Ba Tri-Bến Tre) vào ngày 24/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị S và anh D không có sự thương yêu, quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Trong thời gian sống ly thân, đôi bên cũng không có thiện chí hàn gắn. Chị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh D; riêng anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc anh D tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của chị S. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh D không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh D.

[2] Về con chung: Chị S yêu cầu nuôi cháu Châu Thị Kim X, sinh ngày 05/7/2007; Châu Thị Kim Th, sinh ngày 15/10/2018; anh D không tranh chấp nuôi con. Cháu X có nguyện vọng sống với chị S. Do đó, giao con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Chị S đã trả tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), chị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Kim S phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim S đối với anh Châu Hoàng D.

2. Con chung: Chị Nguyễn Thị Kim S tiếp tục nuôi cháu Châu Thị Kim X, sinh ngày 05/7/2007; Châu Thị Kim Th, sinh ngày 15/10/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Châu Hoàng D có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Kim S phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003849 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị S đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã An Đức;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

